

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

Biểu số 3

Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH
MSDN: 0301897104**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 608/BC-DVCI

Tp.HCM, ngày 24 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

- Sản phẩm sản xuất chủ yếu là sản phẩm dịch vụ công ích
- Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là 105.927 triệu đồng (không bao gồm doanh thu nhà SHNN: 318 triệu đồng), đạt 80,81% kế hoạch năm và bằng 88,96% so cùng kỳ năm 2024. Doanh thu năm 2025 giảm so với năm 2024 chủ yếu do:
 - Doanh thu hoạt động công ích giảm so với kế hoạch:
 - + Doanh thu hoạt động vận chuyển rác giảm do cơ sở vật chất của 2 trạm ép rác kén Bình Chánh và Lê Minh Xuân hiện đã xuống cấp, hoạt động quá tải, phương tiện vận chuyển rác chưa được sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời, công ty không có kinh phí để đầu tư phương tiện mới, việc thuê đối tác để vận chuyển rác về các bãi xử lý rác cũng gặp nhiều khó khăn do trong năm công ty thường xuyên trong tình trạng thiếu kinh phí hoạt động.
 - + Doanh thu quét rác giảm do điều chỉnh lại khối lượng quét rác và giá trị hợp đồng kể từ khi Sở Tài nguyên và Môi trường (hiện nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) có công văn số 3876/STNMT-CTR ngày 26/4/2024 về việc hướng dẫn khối lượng quét, thu gom các tuyến hẻm và tuyến đường có chiều rộng $\leq 6m$.
 - Doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản giảm (giảm 76,73% so với cùng kỳ năm 2024: 5.328 tr đ/ 22.896 tr đ). Công ty là doanh nghiệp vừa, do đó hạn chế trong công tác đấu thầu đối với gói thầu xây lắp có giá thầu không quá 5.000 triệu đồng, ưu đãi cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tham gia đấu thầu. Bên cạnh đó việc Thành phố phân cấp mạnh cho chính quyền xã/phường nên giá trị công trình xây dựng càng nhỏ, ảnh hưởng mạnh doanh thu hoạt động xây dựng của Công ty (khi áp dụng Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân có hiệu lực từ ngày 17/5/2025).

Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2025 là 6.304 triệu đồng, đạt 92,69% kế hoạch năm và bằng 97,78% so cùng kỳ 2024.

- Khối lượng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đạt 105,37% kế hoạch (4.845.386 Tấn – km/ 4.598.288 Tấn – km), đạt 111,23% so với cùng kỳ năm trước (4.845.386 Tấn-km/ 4.356.258 Tấn-km).

- Khối lượng quét rác đường công cộng đạt 92,11% so với kế hoạch (154.187.682 m2/ 167.401.00 m2), đạt 96,79% so với cùng kỳ năm trước (154.187.682 m2/ 159.298.076 m2).

2. Khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đến ngày 31/12/2025, nợ phải thu của công ty là 100.203 triệu đồng, trong đó công nợ khối môi trường là 95.388 triệu đồng.

Đơn giá chính thức công tác vận hành trạm ép rác kín năm 2015 đến năm 2017 chưa được ban hành. Khoản kinh phí mà ngân sách còn phải thanh toán cho công ty ghi nhận theo đơn giá tạm tính là 3.453 triệu đồng.

Kinh phí quản lý vận hành khu dân cư 30 Ha Vĩnh Lộc B từ năm 2015 đến tháng 04/2023 chưa được phê duyệt quyết toán. Tổng chi phí phát sinh cho hoạt động này đến tháng 04/2023 là 43.804.869.895 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10% trên số tổng kinh phí đề xuất duyệt: 3.982.000.000 đồng). Ngân sách đã tạm ứng 20.000.000.000 đồng, phần còn lại 23.804.869.895 đồng, công ty đã ứng phần lớn từ hoạt động sản xuất kinh doanh để chi trả cho công tác quản lý.

Công ty đã thực hiện công tác thu gom rác tại các khu phong tỏa, thu gom rác y tế tại nhà các trường hợp F0, F1 trong năm 2021 và tạm ghi nhận kinh phí thực hiện cho các hoạt động này là 2.045 triệu đồng.

Khoản nợ cưỡng chế đến 31/12/2025 là 1.377 triệu đồng, kéo dài từ 2017 đến nay chưa được UBND các xã thanh toán, cụ thể là các xã: Vĩnh Lộc (Vĩnh Lộc A cũ) 830,3 triệu đồng, Tân Vĩnh Lộc (Vĩnh Lộc B cũ) 546,3 triệu đồng.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Vận chuyển rác	Tấn-Km	4.598.288	4.845.386
b)	Quét, thu gom rác	m2 quy ước	167.401.000	154.187.682
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	131.080	105.927
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.802	6.304
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.442	4.971

5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	7.311	6.101
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	-	-
7	Sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên			
a)	Vận chuyển rác	Tấn-Km	4.598.288	4.845.386
b)	Quét, thu gom rác	m2 quy ước	167.401.000	154.187.682
8	Tổng số lao động	Người	282	256
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	36.316,2	31.904,15
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1.069,2	991,15
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	35.247	30.913

Tổng số lao động: Bao gồm người lao động, ban điều hành, Thành viên HĐQT, KSV chuyên trách.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: Không có

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP: Không có

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

--	--	--	--	--	--	--	--

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI: Không có

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ										
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Nơi nhận:

- Bộ Tài Chính
- UBND TPHCM;
- HĐTV, BGĐ;
- KSV, KTT;
- Lưu VT.

